

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: Tranh chấp
hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, ông Ngô Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2019/TLST-KDTM, ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh K, phường 5, quận 3, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh H – Chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Đào Ngọc M – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Đinh Ngọc H – Nhân viên Ngân hàng TMCP C, có mặt.

Địa chỉ: thị trấn Đinh V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1982, vắng mặt.

Nơi cư trú: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Ngọc H trình bày:

Ngân hàng TMCP C cấp tín dụng cho ông Đặng Văn N và bà Phạm Thị T căn cứ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số KRP.CN.03220612 (số tham chiếu 139287349) ngày 22/6/2012, chi tiết như sau: số tiền cho vay 500.000.000 đồng; mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh, mua bán nông sản và dịch vụ xây xát; thời hạn cho vay 12 tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu (từ ngày 22/6/2012 đến ngày 22/6/2013); lãi suất cho vay trong hạn được quy định: lãi suất 1,371%/tháng, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng đầu tiên, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, từ tháng thứ 04 trở đi, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 7,8%/năm + X; lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn.

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản sau: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Đặng Văn N và bà Phạm Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.01220612 được công chứng tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Đắk Lắk ngày 22/6/2012, số công chứng 3258; đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/6/2012, số thứ tự 1713. Đối với các tài sản sau: thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00557 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2006, cập nhật thay đổi ngày 21/9/2007 và ngày 21/6/2012; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00534 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2005.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông N và bà T không trả được cho Ngân hàng TMCP C bất kỳ số tiền nào. Vì vậy, Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

Ông Đặng Văn N và bà Phạm Thị T trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số nợ tính đến ngày 15/9/2022 là 1.701.115.278 đồng. Trong đó, nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 15.177.778 đồng, lãi quá hạn là 1.185.937.500 đồng.

Ông Đặng Văn N và bà Phạm Thị T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số KRP.CN.03220612, tính từ ngày 16/9/2022 đến ngày trả hết nợ.

Nếu ông Đặng Văn N và bà Phạm Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Đặng Văn N và bà Phạm Thị T được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, gồm: thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông N, bà T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt tại buổi làm việc lập bản tự khai cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 342, Điều 351, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

Buộc ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày vay cho đến ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu thi hành án cưỡng chế bán phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.01220612 được công chứng tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Đắk Lắk ngày 22/6/2012, số công chứng 3258; đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/6/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T cư trú thì, ông N và bà T hiện nay vẫn đang cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên ông N và bà T không thường xuyên có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông N và bà T vẫn không tham gia tố tụng theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 22/6/2012, ông N và bà T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP C số tiền 500.000.000 đồng là thực tế, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn số KRP.CN.03220612 và hợp đồng thế chấp tài sản số KRP.BĐCN.01220612 ngày 22/6/2012. Hiện nay, đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông N, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C là có căn cứ, nên cần buộc ông N, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng, và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến khi trả nợ xong, là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 1,371%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể tính đến ngày 15/9/2022: Lãi trong hạn là 15.177.778

đồng, lãi quá hạn là 1.185.937.500 đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/9/2022) là 1.201.115.278 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông N, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm khoản vay thì ông N, bà T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.01220612 được công chứng tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Đắk Lắk ngày 22/6/2012, số công chứng 3258; đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/6/2012, số thứ tự 1713. Đối với các tài sản sau: thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00557 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2006, cập nhật thay đổi ngày 21/9/2007 và ngày 21/6/2012; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00534 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2005.

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nên việc ký kết hợp đồng giữa ông N, bà T với Ngân hàng TMCP C là có thực và hợp pháp. Vì vậy, trường hợp ông N, bà T không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm cụ thể như sau: thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00557 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2006, cập nhật thay đổi ngày 21/9/2007 và ngày 21/6/2012; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00534 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2005.

Sau khi ông N, bà T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP C có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà T theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông N, bà T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này nguyên đơn đã nộp, nên cần buộc ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T phải thanh toán lại cho nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T phải chịu 63.033.458 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 45.448.000đ (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 179, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 342, Điều 351, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

Buộc ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là 1.701.115.278đ (một tỷ bảy trăm lẻ một triệu một trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 15.177.778 đồng, lãi quá hạn là 1.185.937.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Sau khi ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00557 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2006, cập nhật thay đổi ngày 21/9/2007 và ngày 21/6/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00534 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2005.

Trường hợp ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T không tự nguyện thanh toán đủ

số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, bán phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.01220612, ngày 22/6/2012 để ngân hàng thu hồi nợ, cụ thể: Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00557 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2006, cập nhật thay đổi ngày 21/9/2007 và ngày 21/6/2012; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00534 do UBND huyện K cấp ngày 27/12/2005.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP C 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Buộc ông Đặng Văn N, bà Phạm Thị T phải chịu 63.033.458đ (sáu mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 45.448.000đ (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016247, ngày 10/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Huyền Trang